

**CÔNG TY TNHH MTV NHÀ HÀNG ẨM THỰC TÂY HỒ QUÁN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV NHÀ HÀNG ẨM THỰC TÂY HỒ QUÁN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703162024

**3. Ngày thành lập:** 13/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12 đường Nguyễn Du, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02739923229

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                   | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                          | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                  | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                              | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                | 4633     |
| 6.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                           | 4634     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ mặt hàng kinh doanh bị cấm)<br>(Trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở) | 4669     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                       | 8230     |
| 9.  | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                | 9311     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ                                                                                                                                                                                                                                | 9633     |
| 11. | Quảng cáo<br>(Trừ các loại bị cấm)                                                                                                                                                                                                                              | 7310     |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                          | 7710     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ mặt hàng kinh doanh bị cấm)<br>(Trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở) | 4690        |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (không hoạt động tại trụ sở)                                                                               | 4711        |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                  | 4721        |
| 16. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                   | 4722        |
| 17. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                  | 4723        |
| 18. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4724        |
| 19. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                 | 1010        |
| 20. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                         | 1020        |
| 21. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                    | 1030        |
| 22. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                             | 1050        |
| 23. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                              | 1075        |
| 24. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                            | 1104        |
| 25. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                 | 4791        |
| 26. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                            | 4799        |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                | 4932        |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 29. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                     | 5210        |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ các hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)                                                                                                                        | 5229        |
| 31. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                       | 5510        |
| 32. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Trừ các hoạt động của quán bar, phòng hát karaoke, sàn nhảy, vũ trường)                                                                                                       | 5610(Chính) |
| 33. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                        | 5621        |
| 34. | Dịch vụ ăn uống khác (Trừ các hoạt động của quán bar, phòng hát karaoke, sàn nhảy, vũ trường)                                                                                                                                   | 5629        |

|     |                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Trừ các hoạt động của quán bar, phòng hát karaoke, sàn nhảy, vũ trường)                                          | 5630 |
| 36. | Đại lý du lịch                                                                                                                               | 7911 |
| 37. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                        | 7912 |
| 38. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                          | 7990 |
| 39. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                      | 8110 |
| 40. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                        | 8121 |
| 41. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                            | 8129 |
| 42. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí) | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.200.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN MINH THUẬT

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/03/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079076032523

Ngày cấp: 10/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 5, Ấp 5, Xã Hoà Phú, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 5, Ấp 5, Xã Hoà Phú, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH THUẬT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/03/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079076032523

Ngày cấp: 10/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 5, Ấp 5, Xã Hoà Phú, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 5, Ấp 5, Xã Hoà Phú, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương